

Số: 540/TB-TTĐVĐG

Thanh Hoá, ngày 20 tháng 09 năm 2023

UBND TỈNH THANH HOÁ	
ĐẾN	Số: 52633.....
	Ngày: 21/9/23...
	Chuyên:.....Trung tâm
Số và ký hiệu đất của Ủy ban	

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa thông báo đấu giá quyền sử dụng nhân dân huyện Đông Sơn(Địa chỉ: Khu phố Cao Sơn, Thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá).

1.Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất gồm 24 lô đất ở tại điểm dân cư Đồng Cua Ao, thôn Văn Thắng, xã Đông Văn, huyện Đông Sơn MBQH số 510 ngày 25/02/2023; Quyền sử dụng đất gồm 28 lô đất ở tại điểm dân cư Thôn Hoà Bình, thôn Hữu Bộc, xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn MBQH số 4920 ngày 09/12/2019 và MBQH số 7917 ngày 09/9/2021; Quyền sử dụng đất gồm 16 lô đất ở tại điểm dân cư Đồng Xín, thôn 4, thôn 5 xã Đông Khê, huyện Đông Sơn MBQH số 3164 ngày 06/09/2022;

-Mục đích sử dụng: đất ở;Thời gian sử dụng: Lâu dài;

*** Xã Đông Văn 24 lô:**

- Khu LK A gồm 05 lô: Từ lô LK A: 01 đến lô LKA:04; lô LK: A14;
- Khu LK B gồm 08 lô: Từ lô LK B: 06 đến lô LKB:11; lô LKB:14;15;
- Khu LK C gồm 11 lô: Lô LK C: 11; 12; 17; 19; 20; 21; 26; 27; 34; 40; 41;
- Diện tích các lô từ 125,5m²/lô đến 188,6 m²/lô.
- **Tiền đặt trước:** Từ 130.000.000 đồng đến 226.320.000 đồng /1 hồ sơ;
- **Tiền hồ sơ:** 500.000 đồng/ 1 hồ sơ.

*** Xã Đông Ninh 28 lô:**

- Khu LK3 gồm 10 lô: Từ lô LK 3: 09 đến lô LK3:12; 14; 16; 17; 18; 19; 20;
- Khu LK4 gồm 01 lô: Lô LK4: 28;
- Khu B gồm 11 lô: 03; 04; 05; 08; 09; 12; 13; 15; 16; 17; 18;
- Khu C gồm 06 lô: 02; 03; 04; 06; 16; 17;
- Diện tích các lô từ 94.1 m²/lô đến 187 m²/lô.
- **Tiền đặt trước:** Từ 84.690.000 đồng đến 192.060.000 đồng /1 hồ sơ;
- **Tiền hồ sơ:** từ 200.000đồng đến 500.000 đồng/ 1 hồ sơ.

*** Xã Đông Khê 16 lô:**

- Khu LK A gồm 05 lô: 05; 06; 21; 22; 23;
- Khu LK C gồm 08 lô: 11; 12; 16; 22; 23; 29; 33; 34;
- Khu Biệt Thự BT: A gồm 3 lô: A08; A09; A16
- Diện tích các lô từ 120m²/lô đến 288.4 m²/lô.

- Tiền đặt trước: Từ 144.000.000 đồng đến 415.296.000 đồng /1 hồ sơ;
- Tiền hồ sơ: 500.000 đồng/ 1 hồ sơ.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Thời gian xem tài sản: Từ ngày 27/09/2023 đến ngày 29/09/2023 tại nơi có tài sản.

4. Thời gian bán hồ sơ và thu hồ sơ đấu giá Tại UBND xã Đông Văn, xã Đông Ninh, xã Đông Khê và Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa: Từ ngày 27/09/2023 đến hết ngày 16/10/2023. (Trong giờ hành chính)

5. Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ ngày 16/10/2023 đến ngày 18/10/2023.

6. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: 08 giờ 00 phút ngày 19/10/2023 tại hội trường UBND xã Đông Khê.

7. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá.

- Khách hàng nộp đủ hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước hợp lệ vào tài khoản của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản Thanh Hóa số: 50110002347999 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (BIDV).
- Khách hàng nộp lại biên lai, giấy chuyển tiền đặt trước trong thời hạn nộp tiền đặt trước tại nơi nộp hồ sơ tham gia đấu giá.

8. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Bằng bỏ phiếu kín trực tiếp 01 vòng tại cuộc đấu giá.
- Phương thức đấu giá: trả giá lên.

Mọi chi tiết xin liên hệ Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hoá - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, TP.Thanh Hoá, ĐT: 0237 3859453.

* Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải thông báo này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trung tâm DVĐG tài sản TH (để niêm yết);
- UBND xã Đông Văn, xã Đông Khê, xã Đông Ninh (để niêm yết).
- Báo Thanh Hóa đăng 02 kỳ (lần 1 ngày 22/09/2023; lần 2: ngày 27/09/2023.)
- Lưu: VT, HS.



DANH MỤC
CÁC LÔ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ ĐỒNG CỬA AO, THÔN VĂN THẮNG,
XÃ ĐÔNG VĂN, HUYỆN ĐÔNG SƠN (MBQH SỐ 510 NGÀY 25/02/2022)

TT	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Đơn giá khởi điểm để đấu giá QSD đất (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước/01 hồ sơ (đồng)	Phí hồ sơ
I	LKA					
1	LKA:01	125.5	7,200,000	903,600,000	180,720,000	500,000
2	LKA:02	130.0	5,000,000	650,000,000	130,000,000	500,000
3	LKA:03	130.0	5,000,000	650,000,000	130,000,000	500,000
4	LKA:04	130.0	5,000,000	650,000,000	130,000,000	500,000
5	LKA:14	130.0	7,150,000	929,500,000	185,900,000	500,000
II	LKB					
6	LKB:06	188.6	6,000,000	1,131,600,000	226,320,000	500,000
7	LKB:07	184.5	6,000,000	1,107,000,000	221,400,000	500,000
8	LKB:08	180.5	6,000,000	1,083,000,000	216,600,000	500,000
9	LKB:09	176.5	6,000,000	1,059,000,000	211,800,000	500,000
10	LKB:10	172.5	6,000,000	1,035,000,000	207,000,000	500,000
11	LKB:11	168.4	6,000,000	1,010,400,000	202,080,000	500,000
12	LKB:14	156.4	6,000,000	938,400,000	187,680,000	500,000
13	LKB:15	152.3	6,000,000	913,800,000	182,760,000	500,000
III	LKC					
14	LKC:11	150.0	6,000,000	900,000,000	180,000,000	500,000
15	LKC:12	150.0	6,000,000	900,000,000	180,000,000	500,000
16	LKC:17	150.0	6,000,000	900,000,000	180,000,000	500,000
17	LKC:19	150.0	6,000,000	900,000,000	180,000,000	500,000
18	LKC:20	150.0	6,000,000	900,000,000	180,000,000	500,000
19	LKC:21	150.0	6,000,000	900,000,000	180,000,000	500,000
20	LKC:26	150.0	6,000,000	900,000,000	180,000,000	500,000
21	LKC:27	150.0	6,000,000	900,000,000	180,000,000	500,000
22	LKC:34	150.0	6,000,000	900,000,000	180,000,000	500,000
23	LKC:40	150.0	6,000,000	900,000,000	180,000,000	500,000
24	LKC:41	150.0	6,000,000	900,000,000	180,000,000	500,000
Tổng cộng		3,675.20		21,961,300,000		

DANH MỤC

**Các lô đất ở điểm dân cư nông thôn Đồng Xín, thôn 4, thôn 5
xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (MBQH số 3555
ngày 16/10/2020 - Điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 3164 ngày 06/9/2022)**

TT	Ký hiệu lô	Diện tích (m²)	Đơn giá khởi điểm để đấu giá QSD đất (đồng/m²)	Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước/01 hồ sơ (đồng)	Tiền phí hồ sơ
Khu A						
1	A:05	120.0	6,000,000	720,000,000	144,000,000	500,000
2	A:06	120.0	6,000,000	720,000,000	144,000,000	500,000
3	A:21	120.0	6,000,000	720,000,000	144,000,000	500,000
4	A:22	120.0	6,000,000	720,000,000	144,000,000	500,000
5	A:23	120.0	6,000,000	720,000,000	144,000,000	500,000
KHU C						
6	C:11	125.0	6,500,000	812,500,000	162,500,000	500,000
7	C:12	125.0	6,500,000	812,500,000	162,500,000	500,000
8	C:16	125.0	6,500,000	812,500,000	162,500,000	500,000
9	C:22	125.0	6,500,000	812,500,000	162,500,000	500,000
10	C:23	125.0	6,500,000	812,500,000	162,500,000	500,000
11	C:29	125.0	6,500,000	812,500,000	162,500,000	500,000
12	C:33	125.0	6,500,000	812,500,000	162,500,000	500,000
13	C:34	125.0	6,500,000	812,500,000	162,500,000	500,000
Khu biệt thự A						
14	BT-A:08	241.5	6,600,000	1,593,900,000	318,780,000	500,000
15	BT-A:09	288.4	7,200,000	2,076,480,000	415,296,000	500,000
16	BT-A:16	235.5	7,200,000	1,695,600,000	339,120,000	500,000
Tổng cộng		2,365.40		15,465,980,000	3,093,196,000	

DANH MỤC CÁC LÔ ĐẤT Ở ĐIỂM XEN CƯ KHU ĐỒNG ĐẤT MẠ THÔN HỮU BỘC, XÃ ĐÔNG NINH, HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA MBQH 7917 NGÀY 09/9/2021

(Kèm theo Quyết định số: 4787/QĐ - UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện)

STT	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Đơn giá khởi điểm để đấu giá QSD đất (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước/01 hồ sơ (đồng)	Tiền mua hồ sơ (đồng)
1	B03	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
2	B04	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
3	B05	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
4	B08	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
5	B09	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
6	B12	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
7	B13	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
8	B15	145.50	6,600,000	960,300,000	192,060,000	500,000
9	B16	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
10	B17	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
11	B18	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
12	C02	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
13	C03	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
14	C04	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
15	C06	160.00	5,500,000	880,000,000	176,000,000	500,000
16	C16	149.60	5,500,000	822,800,000	164,560,000	500,000
17	C17	143.70	5,500,000	790,350,000	158,070,000	500,000
	Tổng	2678.80		14,893,450,000	2,978,690,000	

DANH MỤC
CÁC LÔ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ THÔN HÒA BÌNH, XÃ ĐÔNG NINH,
HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA, MBQH 4920 NGÀY 09/12/2019
(ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1300 NGÀY 12/5/2021)

(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-UBND ngày 25 tháng 05 năm 2023 của UBND huyện Đông Sơn)

STT	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Đơn giá khởi điểm để đấu giá QSD đất (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước/01 hồ sơ (đồng)	Tiền mua hồ sơ (đồng)
Liên kê 3						
1	LK3:09	120.0	5,000,000	600,000,000	120,000,000	500,000
2	LK3:10	120.0	5,000,000	600,000,000	120,000,000	500,000
3	LK3:11	133.0	5,000,000	665,000,000	133,000,000	500,000
4	LK3:12	133.0	5,000,000	665,000,000	133,000,000	500,000
5	LK3:14	97.8	4,500,000	440,100,000	88,020,000	200,000
6	LK3:16	187.0	4,500,000	841,500,000	168,300,000	500,000
7	LK3:17	121.4	4,500,000	546,300,000	109,260,000	500,000
8	LK3:18	145.5	4,500,000	654,750,000	130,950,000	500,000
9	LK3:19	94.1	4,500,000	423,450,000	84,690,000	200,000
10	LK3:20	111.3	4,500,000	500,850,000	100,170,000	500,000
Liên kê 4						
11	LK4:28	126.0	5,000,000	630,000,000	126,000,000	500,000
Tổng cộng		1,389.10		6,566,950,000	1,313,390,000	